



gòng fàn

共犯

noun · accomplice

Example Sentences

jǐng chá zhuā zhù le tā de gòng fàn
警察抓住了他的共犯。

The police caught his accomplice.

fǎ tíng pàn chǔ zhǔ fàn shí nián tú xíng gòng fàn wǔ nián
法庭判处主犯十年徒刑，共犯五年。

The court sentenced the principal offender to ten years in prison and the accomplice to five years.

Trace each character, then write the word on your own.

共	共	共	共	共	共	共	共	共											
犯	犯	犯	犯	犯	犯	犯	犯												